

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính mới ban hành và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Bãi bỏ Quyết định số 1652/QĐ-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí thực hiện việc nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTTC);
- Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Đường bộ Việt Nam;
- Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Công dịch vụ công quốc gia;
- Công thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (PLP). (80b) *Tgk*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC
THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 44/QĐ-BTC ngày 09 tháng 01 năm 2024
của Bộ Tài chính)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ	Thuế	Đơn vị đăng kiểm
2	Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên	Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ	Thuế	Sở Giao thông vận tải, đơn vị đăng kiểm
3	Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ	Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ	Thuế	Đơn vị đăng kiểm
4	Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ	Thuế	Sở Giao thông vận tải

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
5	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ	Thuế	Sở Giao thông vận tải, đơn vị đăng kiểm

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

Số TT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.010 264	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ	Phí, lệ phí	Sở Giao thông vận tải, đơn vị đăng kiểm,

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

I. Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp

1. Trình tự thực hiện

Đối với xe ô tô quy định tại các điểm a, b, c, e và g khoản 2 Điều 2 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP, chủ phương tiện lập hồ sơ đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ gửi đơn vị đăng kiểm.

Đơn vị đăng kiểm kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ, đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận các tài liệu trong hồ sơ, tính và trả lại/bù trừ phí cho chủ phương tiện.

2. Cách thức thực hiện

- Nộp trực tiếp tại đơn vị đăng kiểm.

- Nộp qua bưu chính.
- Nộp điện tử.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

a) Trường hợp xe bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên

- Giấy đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

- Bản chụp các giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện (như: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi xe của cơ quan có thẩm quyền, văn bản thu hồi giấy đăng ký và biển số xe).

- Bản chụp biên lai thu phí sử dụng đường bộ. Trường hợp bị mất biên lai thu phí, chủ phương tiện đề nghị đơn vị đăng kiểm nơi nộp phí cấp lại bản chụp biên lai thu phí.

- Riêng đối với xe ô tô bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên thì ngoài các giấy tờ nêu trên, chủ phương tiện còn phải cung cấp Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

b) Trường hợp xe ô tô đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên

Chủ phương tiện cung cấp giấy tờ chứng minh xe được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật cho đơn vị đăng điểm khi đăng kiểm.

c) Trường hợp xe ô tô bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên

Chủ phương tiện phải xuất trình Đơn trình báo về việc mất tài sản có xác nhận của cơ quan công an. Trường hợp tìm thấy phương tiện thì chủ phương tiện phải cung cấp cho đơn vị đăng kiểm Biên bản bàn giao tài sản do cơ quan công an thu hồi giao cho chủ phương tiện.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời gian giải quyết

4.1. Trường hợp xe bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên

Trường hợp hồ sơ trả lại phí sử dụng đường bộ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, đơn vị đăng kiểm phải thông báo cho người nộp hồ sơ để hoàn chỉnh.

Chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị trả lại phí sử dụng đường bộ, căn cứ hồ sơ đề nghị trả lại phí của chủ phương tiện,

thủ trưởng đơn vị đăng kiểm ra Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP gửi người đề nghị trả lại phí.

4.2. Trường hợp xe ô tô đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên

Đơn vị đăng kiểm tính bù trừ số phí phải nộp của kỳ tiếp theo, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

4.3. Trường hợp xe ô tô bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên

Đơn vị đăng kiểm tính trả lại (hoặc bù trừ số phí phải nộp của kỳ tiếp theo nếu tìm lại được phương tiện), thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Đơn vị đăng kiểm.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Giấy đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP (biểu mẫu kèm theo).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Xe ô tô (trừ xe ô tô của lực lượng quốc phòng và công an) trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, e và g khoản 2 Điều 2 Nghị định số 90/2023/NĐ-CP đã nộp phí sử dụng đường bộ thì chủ phương tiện được trả lại phí đã nộp hoặc trừ vào số phí phải nộp kỳ sau, cụ thể:

- Bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai.

- Bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

- Bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên (trước khi mang xe đi sửa chữa, chủ phương tiện phải xuất trình Biên bản hiện trường tai nạn có xác nhận của cơ quan công an và nộp lại Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định cho đơn vị đăng kiểm gần nhất để có căn cứ trả lại phí sau khi phương tiện hoàn thành việc sửa chữa và kiểm định lại để tiếp tục lưu hành).

- Xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên.

- Xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.
- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008.
- Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024.
- Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

12. Mẫu đơn



Mẫu số 01.docx

II. Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên

1. Trình tự thực hiện

- Doanh nghiệp gửi hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải nơi quản lý, cấp phép hoạt động kinh doanh vận tải hoặc nơi sử dụng phương tiện (đối với trường hợp mang phương tiện đến địa phương khác sử dụng).

- Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ (kiểm tra các điều kiện: Các xe xin tạm dừng lưu hành là xe kinh doanh vận tải và thuộc sở hữu của doanh nghiệp; thời gian xin tạm dừng lưu hành của từng xe phải liên tục từ 30 ngày trở lên):

+ Trường hợp chưa đủ điều kiện thì ra Thông báo về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành và trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ.

+ Trường hợp đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải ký xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành, đồng thời lập Biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải.

- Doanh nghiệp lập hồ sơ nộp cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi được Sở Giao thông vận tải xác nhận vào đơn.

- Đơn vị đăng kiểm nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp thì ra Thông báo về việc chưa đủ điều kiện thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ và trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì lập Biên bản thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ.

2. Cách thức thực hiện

- Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải, đơn vị đăng kiểm.

- Nộp qua bưu chính.
- Nộp điện tử.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

a) Tại Sở giao thông vận tải

- Đơn xin tạm dừng lưu hành theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô (bản chụp).

b) Tại đơn vị đăng kiểm

- Đơn xin tạm dừng lưu hành bản chính (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải).

- Biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu (đối với xe thuộc diện cấp phù hiệu, biển hiệu).

- Biên lai thu phí sử dụng đường bộ (bản chụp).

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời gian giải quyết

4.1. Tại Sở Giao thông vận tải

- Trường hợp chưa đủ điều kiện thì ra Thông báo về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP và trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ; thời gian thực hiện 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

- Trường hợp đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải ký xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành, đồng thời lập Biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP; thời gian thực hiện 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

4.2. Tại đơn vị đăng kiểm

- Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp thì ra Thông báo về việc chưa đủ điều kiện thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP và trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ; thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

- Trường hợp đủ điều kiện thì lập Biên bản thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 12 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP; thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh vận tải.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, đơn vị đăng kiểm.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành theo Mẫu số 06 hoặc Biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

Thông báo về việc chưa đủ điều kiện thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 08 hoặc Biên bản thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 12 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn xin tạm dừng lưu hành theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP (biểu mẫu kèm theo).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.
- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008.
- Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024.
- Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

12. Mẫu đơn



Mẫu số 05.docx

III. Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ

1. Trình tự thực hiện

- Doanh nghiệp gửi đơn vị đăng kiểm (nơi đã nộp hồ sơ đề nghị tạm dừng lưu hành) hồ sơ đề nghị cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ.
- Đơn vị đăng kiểm nhận, kiểm tra hồ sơ và trả kết quả cho doanh nghiệp.

2. Cách thức thực hiện

- Nộp trực tiếp tại đơn vị đăng kiểm.
- Nộp qua bưu chính.

- Nộp điện tử.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 13 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

- Biên bản thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ (bản chính).

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời gian giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo hoặc số ngày thực tế xe tạm dừng lưu hành (tính từ thời điểm tạm dừng lưu hành đến ngày đề nghị lưu hành trở lại) chưa đảm bảo thời gian liên tục từ 30 ngày trở lên thì đơn vị đăng kiểm ra Thông báo chưa đủ điều kiện xét thuộc diện không chịu phí; thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

- Trường hợp hồ sơ đảm bảo, số ngày thực tế xe tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên và có đủ xác nhận của Sở Giao thông vận tải, đơn vị đăng kiểm tính toán số phí sử dụng đường bộ được bù trừ, số phí phải nộp bổ sung (nếu có) trên cơ sở mức thu của một tháng chia cho 30 ngày và nhân với số ngày nghỉ lưu hành; thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh vận tải.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Đơn vị đăng kiểm.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Thông báo chưa đủ điều kiện xét thuộc diện không chịu phí theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP hoặc Quyết định về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

- Cấp lại Tem kiểm định đối với trường hợp Tem kiểm định còn thời hạn. Trường hợp Tem kiểm định hết hạn thì thực hiện kiểm định và cấp Tem kiểm định cho chu kỳ kiểm định mới.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 13 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP (biểu mẫu kèm theo).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Chủ phương tiện đã nộp Đơn xin tạm dừng lưu hành.
- Sở Giao thông vận tải đã xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành.
- Đơn vị đăng kiểm đã lập Biên bản thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.
- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008.
- Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024.
- Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

12. Mẫu đơn



Mẫu số 13.docx

IV. Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu

1. Trình tự thực hiện

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ xin cấp lại phù hiệu, biển hiệu cho Sở Giao thông vận tải (nơi tạm giữ phù hiệu, biển hiệu).
- Sở Giao thông vận tải xem xét hồ sơ, cấp lại phù hiệu, biển hiệu (nếu có) cho doanh nghiệp.

2. Cách thức thực hiện

- Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.
- Nộp qua bưu chính.
- Nộp điện tử.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

- Quyết định về việc bù trừ phí sử dụng đường bộ hoặc Biên lai thu phí trong trường hợp chưa nộp phí cho thời gian dừng lưu hành (nộp bản chụp và mang bản chính để đối chiếu).

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời gian giải quyết

Sở Giao thông vận tải xem xét hồ sơ, cấp lại phù hiệu, biển hiệu cho doanh nghiệp, thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh vận tải.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại phù hiệu, biển hiệu.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP (biểu mẫu kèm theo).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Chủ phương tiện đã nộp Đơn xin tạm dừng lưu hành.
- Sở Giao thông vận tải đã xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành.
- Đơn vị đăng kiểm đã lập Biên bản thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ, ban hành Quyết định về việc bù trừ phí sử dụng đường bộ hoặc lập Biên lai thu phí trong trường hợp chưa nộp phí cho thời gian dừng lưu hành.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.
- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008.
- Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024.
- Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

12. Mẫu đơn



Mẫu số 09.docx

V. Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ

1. Trình tự thực hiện

- Doanh nghiệp gửi hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải.
- Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.
- + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Giao thông vận tải thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xem xét, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra thực tế doanh nghiệp và xác nhận vào Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp nộp 01 bản Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải) cho đơn vị đăng kiểm, nơi doanh nghiệp đưa xe đến kiểm định.

- Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu với Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông có dấu xác nhận của Sở Giao thông vận tải.

2. Cách thức thực hiện

- Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải, đơn vị đăng kiểm.
- Nộp qua bưu chính.
- Nộp điện tử.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ

a) Tại Sở giao thông vận tải

- Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ theo Mẫu số 10 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

- Bản chụp giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

- Bản chụp giấy đăng ký xe (của từng xe xin xác nhận).

b) Tại đơn vị đăng kiểm

Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải) cho đơn vị đăng kiểm, nơi doanh nghiệp đưa xe đến kiểm định.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời gian giải quyết

4.1. Tại Sở Giao thông vận tải

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Giao thông vận tải thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ chậm nhất trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xem xét, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra thực tế doanh nghiệp và xác nhận vào Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai của doanh nghiệp; thời gian thực hiện chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

4.2. Tại đơn vị đăng kiểm

Đơn vị đăng kiểm tính, thu phí sử dụng đường bộ hoặc trả lại phí cho chủ phương tiện trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, đơn vị đăng kiểm.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 12 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ theo Mẫu số 10 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP (biểu mẫu kèm theo).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Xe ô tô của doanh nghiệp không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ (chỉ được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và không cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Giao thông vận tải), chỉ sử dụng trong phạm vi Trung tâm sát hạch lái xe, nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm, ngư nghiệp, công trường xây dựng (giao thông, thủy lợi, năng lượng).

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.

- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008.

- Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024.

- Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

12. Mẫu đơn



Mẫu số 10.docx

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20...

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ

Kính gửi:(tên cơ quan trả lại/bù trừ phí).....

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại/bù trừ phí

Tên tổ chức, cá nhân:

Số hộ chiếu/CCCD/CMND hoặc số định danh cá nhân: cấp
ngày:..... tại:.....

Điện thoại:

Địa chỉ :.....Quận/huyện:Tỉnh/thành phố:

II. Nội dung đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ

1. Thông tin về khoản phí đề nghị trả lại/bù trừ:

- Phương tiện đã nộp phí:..... (loại xe, biển số xe).....

- Thời gian đã nộp phí: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

- Số tiền phí đã nộp:.....

- Số tiền phí đề nghị trả lại/bù trừ:.....

- Lý do đề nghị trả lại/bù trừ:.....

2. Hình thức đề nghị trả phí

2.1. Bù trừ: ☐

2.2. Trả lại tiền phí: Tiền mặt: ☐ Chuyển khoản: ☐

Chuyển tiền vào tài khoản số:tại ngân hàng:.....

(hoặc) Người nhận tiền: Số hộ chiếu/CCCD/CMND hoặc số định
danh cá nhân: cấp ngày:..... tại:.....

III. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản chụp)

1.....

2.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về
những số liệu đã khai./.

Người đề nghị

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm 20...

ĐƠN XIN TẠM DỪNG LƯU HÀNH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên:... *Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp)*...

Số ĐKKD:..... cấp ngày:.....

Địa chỉ cơ quan:.....

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận và thực hiện tạm giữ phù hiệu, biển hiệu làm cơ sở cho... *(Tên doanh nghiệp)*... để làm căn cứ xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Số phù hiệu, biển hiệu (nếu có)	Thời gian dự kiến tạm dừng hoạt động
1	...	...	...	Từ ngày ... đến ngày ...
2				

Sở Giao thông vận tải tỉnh..... xác nhận các xe nêu trên đúng là xe thuộc sở hữu của doanh nghiệp; doanh nghiệp xin tạm dừng lưu hành từ ngày... tháng... năm....

Sở Giao thông vận tải đã lập biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu của xe kể từ ngày ... tháng ... năm

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận vào đơn làm thủ tục xác định xe dừng sử dụng), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

LÃNH ĐẠO SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng .. năm 20..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Trả lại phù hiệu, biển hiệu

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên tôi là:.....

Số hộ chiếu/CCCD/CMND hoặc số định danh cá nhân:..... cấp
ngày:..... tại:.....

Đại diện cho:.....

Giấy giới thiệu số:.....

Ngày.../.../202.., tôi đã có Đơn xin tạm dừng lưu hành và đã nộp phù hiệu, biển hiệu để làm căn cứ xác định thời gian tạm dừng hoạt động của các phương tiện. Nay tôi làm đơn này đề nghị quý Sở xem xét trả lại phù hiệu, biển hiệu cho các phương tiện sau đây để được tiếp tục lưu hành, bao gồm:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Đơn vị cấp	Số phù hiệu, biển hiệu

Tôi xin cảm ơn!

Người làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN XIN XÁC NHẬN**Xe ô tô không tham gia giao thông,
không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên đơn vị đề nghị:.....

Số ĐKKD: cấp ngày:.....

Địa chỉ:.....

1. Đề nghị của đơn vị

Đề nghị Sở Giao thông vận tải kiểm tra và xác nhận phương tiện thuộc sở hữu của doanh nghiệp chúng tôi là xe dùng để....., để làm căn cứ xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Tuyến đường/khu vực hoạt động
1	<i>Ví dụ: Xe tải</i>	<i>14M-1234</i>	<i>Mỏ Than Mông Dương</i>
2			

2. Sở Giao thông vận tải đã kiểm tra và xác nhận các phương tiện nêu trên là các xe dùng để.....; theo đúng nội dung đã kê khai. Đơn vị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai và sử dụng phương tiện.

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm làm thủ tục xác định xe dùng sử dụng), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải./.

LÃNH ĐẠO SỞ GTVT

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ

Kính gửi: Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.....

Tên tôi là:, đại diện cho ...(doanh nghiệp).....

Số hộ chiếu/CCCD/CMND hoặc số định danh cá nhân:..... cấp ngày:..... tại:.....

Địa chỉ (theo hộ khẩu thường trú):.....

Ngày.../.../20.., Tôi đã có Đơn và đã nộp Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ để làm căn cứ xác định thời gian tạm dừng hoạt động của các phương tiện. Nay đề nghị được cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho các phương tiện sau đây để được tiếp tục lưu hành, bao gồm:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Ghi chú
1			
2			

Đơn đề nghị này được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm./.

DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)